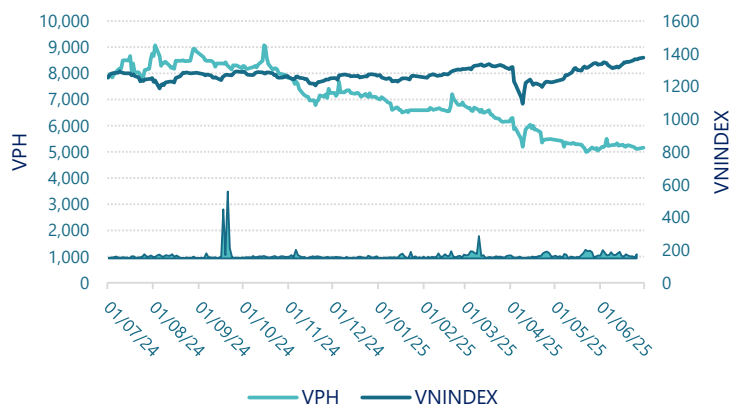


CTCP Vạn Phát Hưng (HSX: VPH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,160
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,073
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,000
SL cổ phiếu LH	95,357,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	113,245
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	492
P/E	3.0
EPS	1,709

DT thuần

Q2/25

33.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.5 | 268%

YoY: ▲ 24.9 | 282%

LN sau thuế

Q2/25

-0.24

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.96 | 97.4%

YoY: ▲ 23.2 | 99.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

19.5%

+/- YoY: ▲ 31.3%

DT thuần

6T 2025

42.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.3 | 175%

LN sau thuế

6T 2025

-9.44

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 28.8 | 75.3%

ROE

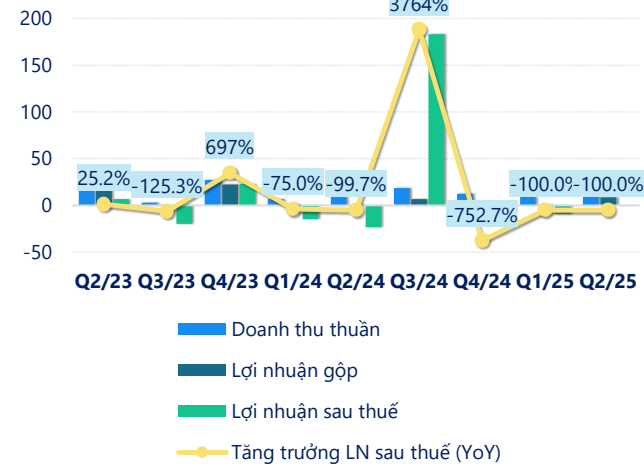
Q2/25

16.2%

+/- YoY: ▲ 19.6%

tỷ VNĐ

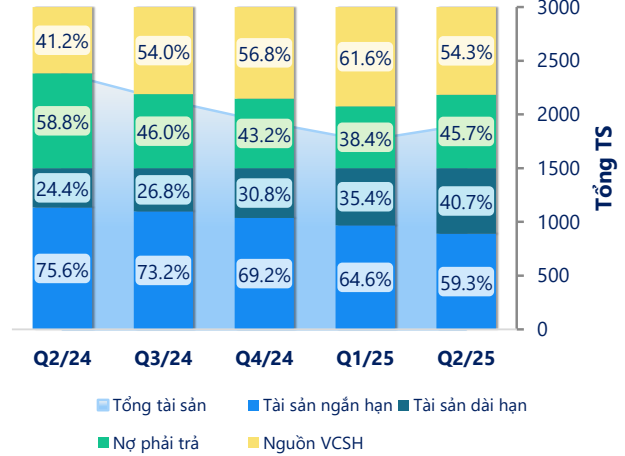
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

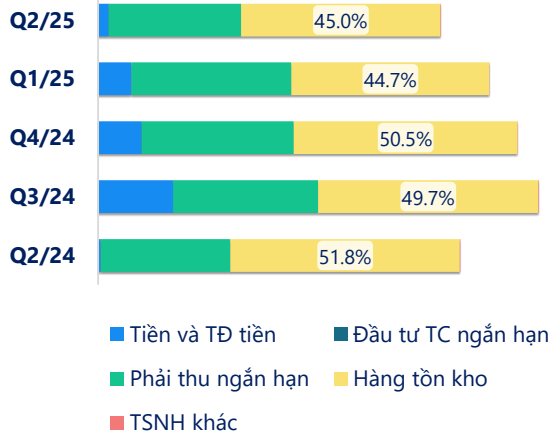
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



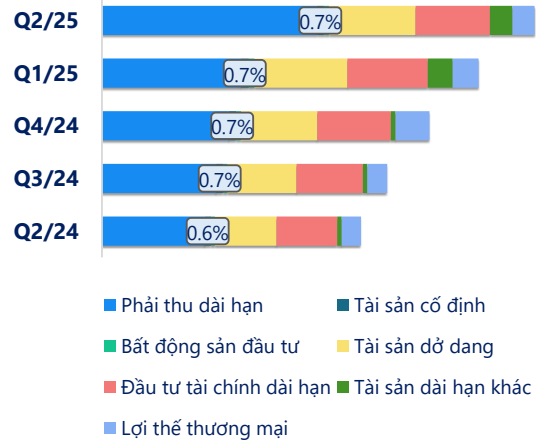
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

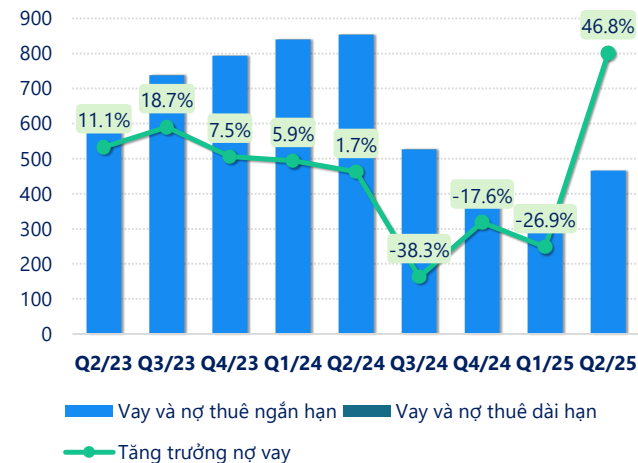
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

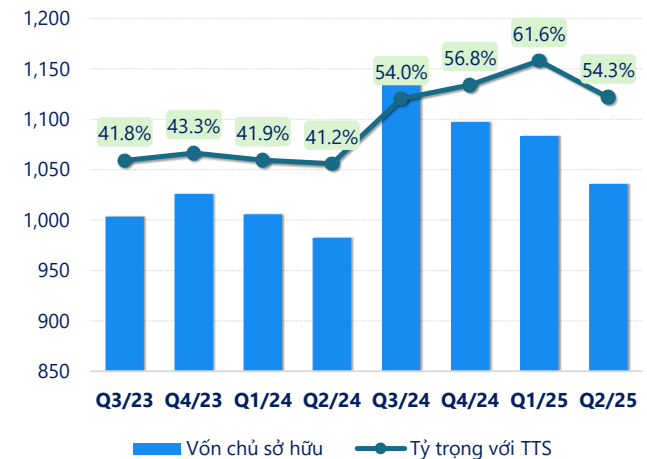
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

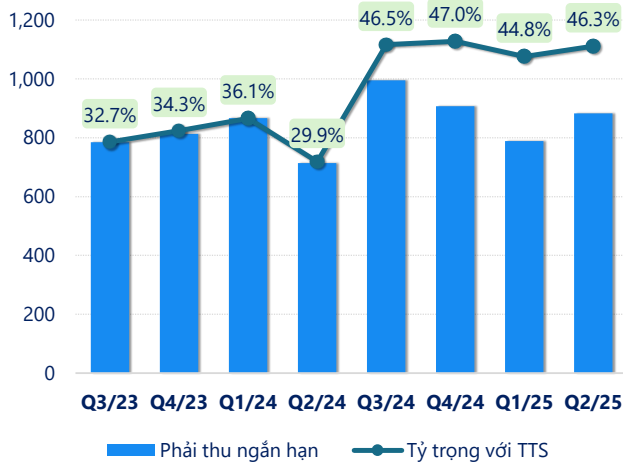
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



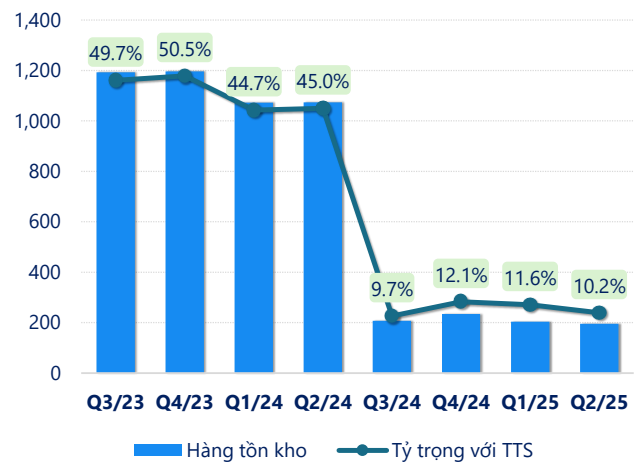
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


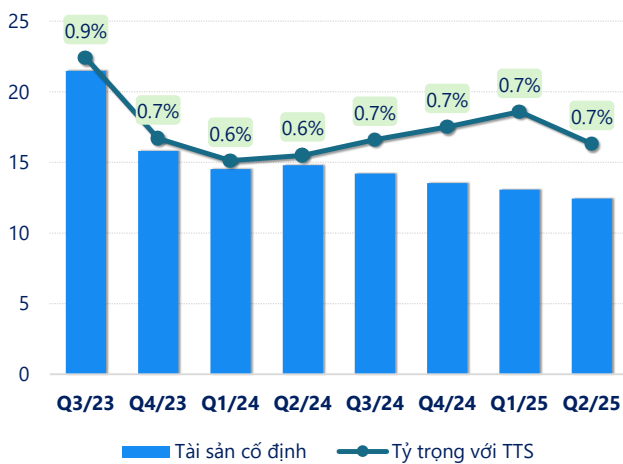
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


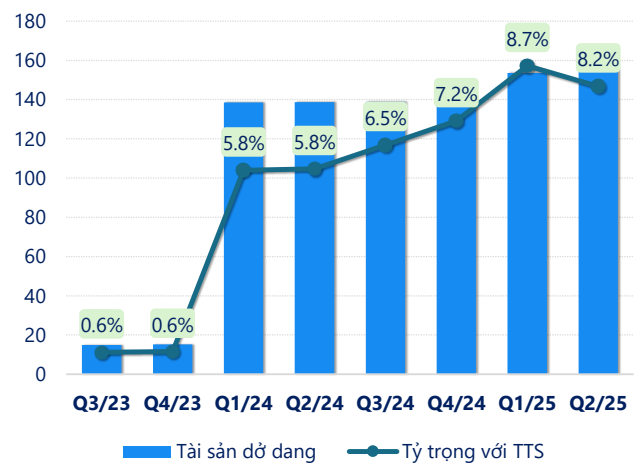
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

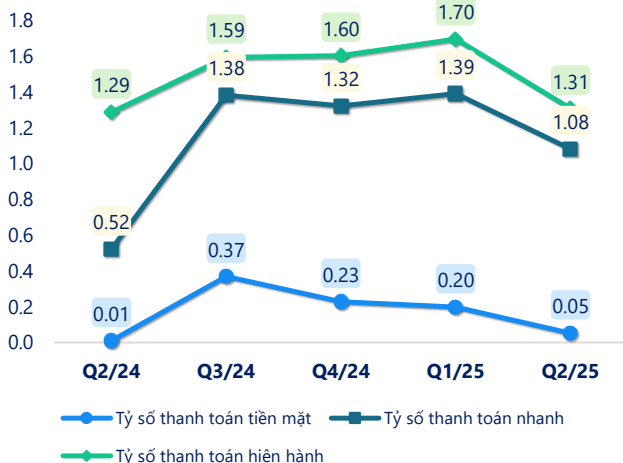
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,385	2,139	1,931	1,759	1,906
Tài sản ngắn hạn	1,804	1,565	1,336	1,136	1,131
Tiền và tương đương tiền	14.2	362	190	132	45.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.13	0.13	0.13	6.44	6.44
Phải thu ngắn hạn	714	995	907	789	883
Hàng tồn kho	1,073	208	234	204	195
Tài sản ngắn hạn khác	2.26	0.31	4.65	4.31	1.34
Tài sản dài hạn	581	574	595	623	775
Phải thu dài hạn	230	230	230	230	385
Tài sản cố định	14.8	14.2	13.5	13.1	12.4
Bất động sản đầu tư	8.53	8.39	9.46	9.35	9.25
Tài sản dở dang	139	139	138	154	155
Đầu tư tài chính dài hạn	136	134	133	133	133
Tài sản dài hạn khác	10.2	8.70	8.41	41.0	40.5
Lợi thế thương mại	43.5	40.4	62.0	43.1	39.8
Nợ phải trả	1,403	983	834	675	870
Nợ ngắn hạn	1,402	982	833	670	865
Vay và nợ thuê ngắn hạn	853	526	434	317	466
Phải trả người bán ngắn hạn	2.77	2.90	2.75	2.97	2.84
Nợ dài hạn	1.16	1.16	0.31	5.63	5.62
Vay và nợ thuê dài hạn	0.85	0.85	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	982	1,156	1,097	1,083	1,036
Vốn chủ sở hữu	982	1,156	1,097	1,083	1,036
Vốn điều lệ	954	954	954	954	954
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)